

GIỚI THIỆU ỦY BAN NHÀ NƯỚC LIÊN XÔ VỀ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

ĐẶNG NGỌC TÌNH

Vụ Tổ chức Cán bộ

Khí tượng và thủy văn thuộc những bộ môn khoa học về trái đất. Các nước khác nhau tổ chức và phát triển cơ quan khí tượng và thủy văn khác nhau tùy theo các điều kiện khí hậu, địa vật lý và kinh tế của mỗi nước.

Liên Xô có diện tích 22402000km², trải dài trên nhiều vĩ độ và kinh độ, đặc trưng bởi những điều kiện địa lý và khí hậu rất khác biệt nhau: từ vùng đất Bắc Cực đến những vùng bán sa mạc; từ các dãy núi cao ở Trung Á tới vùng cận nhiệt đới ở phía nam; từ khí hậu ôn đới ở vùng Bantích tới khí hậu lục địa khắc nghiệt của Xibia và khí hậu gió mùa ở Viễn Đông. Liên Xô có tài nguyên nước phong phú: gần 3 triệu sông ngòi và trên 2,8 triệu hồ với tổng thể tích nước 28000km³, giá trị dòng chảy trung bình năm là 1020km³. Tuy nhiên, tài nguyên nước phân bố không đều: 80% dân số công nghiệp và nông nghiệp tập trung ở những vùng mà chỉ có 40% tổng lượng nước. Dân số Liên Xô trên 250 triệu, đa số tập trung ở phần châu Âu, ở Trung Á, phía Nam Xibia và Viễn Đông. Liên Xô là nước phát triển cao với nền kinh tế đa dạng, có tính chất tổng hợp và có kế hoạch.

Các quan trắc khí tượng thường xuyên đã bắt đầu ở nước Nga vào cuối thế kỷ 17 và ngày xuất bản bản tin khí tượng hàng ngày đầu tiên 1/1/1872 được coi là ngày thành lập cơ quan thời tiết ở nước Nga. Các quan trắc thủy văn trên đất liền và trên biển được bắt đầu từ thế kỷ 18. Sau khi cách mạng Tháng Mười thành công, Lênin đã ký sắc lệnh về tổ chức cơ quan khí tượng ở Cộng hòa liên bang XHCN Xô Viết Nga vào tháng VI/1921. Tới tháng VIII/1929 đã sát nhập mạng lưới trạm và các cơ quan nghiên cứu khí tượng và thủy văn thành một cơ quan khí tượng thủy văn quốc gia, thành lập các Ủy ban khí tượng thủy văn thuộc các nước cộng hòa và vùng lãnh thổ (tới năm 1933 chuyển thành các cục KTTV).

Tháng VIII/1978, Tổng cục KTTV trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô chuyển thành Ủy ban Nhà nước về khí tượng thủy văn và kiểm soát môi trường thiên nhiên (viết tắt là UBNNKTTV).

UBNNKTTV chịu trách nhiệm quản lý liên ngành trong lĩnh vực KTTV và kiểm soát môi trường thiên nhiên, có chức năng thu thập thông tin về trạng thái môi trường thiên nhiên và cung cấp thông tin đó cho các ngành kinh tế quốc dân nhằm giảm bớt tác hại của những điều kiện KTTV bất lợi, ngăn ngừa

những tác động xấu của con người tới môi trường thiên nhiên và đồng thời cải tạo môi trường thiên nhiên vì lợi ích của con người. UBNNKTTV tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế như Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO), UNESCO, FAO, các chương trình dự án của Liên Hiệp Quốc..., giúp đỡ các nước XHCN và các nước đang phát triển.

Để thực hiện chức năng trên, hệ thống tổ chức bộ máy của UBNNKTTV bao gồm: bộ máy trung ương, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các cục KTTV và kiểm soát môi trường thiên nhiên, các cơ quan phụ trợ khác.

Bộ máy trung ương của Ủy ban có cơ cấu: Lãnh đạo Ủy ban, 10 cục chuyên ngành, 4 vụ chức năng và các bộ phận khác như Phòng mạng lưới quan trắc mặt đất, Phòng xây dựng cơ bản.

Các cơ quan nghiên cứu khoa học là các viện hay các tổ chức tương đương được phân hạng thành 15 cơ quan Trung ương, 2 cơ quan khu vực và 5 cơ quan vùng.

Các cục KTTV và kiểm soát môi trường thiên nhiên của các nước cộng hòa hay vùng lãnh thổ của Cộng hòa Liên bang Nga (gồm 36 cục) chỉ đạo các cơ quan mạng lưới trực thuộc bao gồm: 36 buyrô thời tiết, 100 buyrô KTTV, 125 đài KTTV, 900 trạm khí tượng hàng không, 3400 trạm, 8500 điểm quan trắc KTTV, trên 1500 điểm kiểm soát nhiễm bẩn khí quyển, 3343 điểm kiểm soát nhiễm bẩn mặt nước lục địa, 1500 điểm kiểm soát nhiễm bẩn nước biển... và nhiều tổ chức khác nữa. Các cơ quan mạng lưới này được phân thành 5 nhóm tùy theo các chức năng và tính chất hoạt động.

Các cơ quan phụ trợ của Ủy ban có Tổng trung tâm Khí tượng hàng không Mátxcova, Nhà xuất bản quốc gia khoa học kỹ thuật KTTV, các trường học, hạm đội nghiên cứu khoa học, các trung tâm tính toán, trạm máy tính, Buyrô kiểm định Trung ương..

Về phương tiện kỹ thuật, Ủy ban có gần 150 rada khí tượng, hơn 220 trạm rada cao không, gần 400 trạm vô tuyến điện khí tượng tự động, hơn 110 máy tính điện tử lớn và trung bình...

Biên chế của Ủy ban có hơn 100 nghìn người, trong đó có 22,5 nghìn chuyên gia có trình độ đại học, 200 tiến sĩ khoa học, 1500 phó tiến sĩ.

Các hướng phát triển chính của Ủy ban trong thời gian tới là phát triển nghiên cứu khoa học và phát triển kỹ thuật. Phát triển nghiên cứu khoa học bao gồm việc hoàn thiện và soạn thảo các phương pháp dự báo KTTV, hải văn, KTTN, biên soạn các loại tài liệu khí hậu, thủy văn phục vụ sản xuất, thiết lập các phương pháp và công cụ để kiểm soát liên tục sự nhiễm bẩn môi trường thiên nhiên, dự báo tác động của con người đối với môi trường thiên nhiên và tiến hành các tác động tích cực tới môi trường thiên nhiên. Phát triển kỹ thuật sẽ nhằm vào việc thiết lập hệ thống Nhà nước tự động hóa quan trắc và kiểm soát môi trường thiên nhiên, phát triển hệ thống viễn thám, sản xuất các loại tàu nghiên cứu khoa học mới, các dụng cụ đo mới...

Qua nghiên cứu hệ thống tổ chức của UBNNKTTV, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

– Việc kết hợp công tác khí tượng thủy văn và công tác kiểm soát môi trường thiên nhiên trong một cơ quan Nhà nước tạo thành những điều kiện kinh tế xã hội và kỹ thuật thuận lợi để tiến hành các công tác này.

– Trong hệ thống tổ chức quản lý, cần phân biệt rõ các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các cơ quan quản lý địa phương, được phân nhóm tùy theo chức năng và tính chất hoạt động, các cơ quan phụ trợ khác.

– Kết hợp quản lý theo Ngành với quản lý theo lãnh thổ và địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gorodexki O.A, Sivoliass G.G. Tổ chức kế hoạch hóa công tác KT IV và các cơ sở kinh tế, NXBKTTV, L, 1979 (tiếng Nga).

2. Các qui định tạm thời về các cục, vụ và các bộ phận của bộ máy trung ương Ủy ban Nhà nước Liên Xô về KTTV và kiểm soát môi trường thiên nhiên, M.1981 (tiếng Nga).

3. Casebook of examples of organization and operation of hydrological services, WMO — N° 461, 1977.

4. Meteorological services of the world, WMO — N°2, 1985.